

Bản án số: **611/2025/DS - ST**
Ngày 28/8/2026
V/v tranh chấp: **Hợp đồng tín dụng**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Thành**.

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Phi Liễu**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Anh Thư** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 961/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về “**tranh chấp hợp đồng tín dụng**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **1395/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2026**. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG N (GỌI TẮT LÀ A)**

Trụ sở chính: **Số B L, Phường G, Thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Quang T**

Chức vụ: Phó giám đốc **A Chi nhánh C2**

Địa chỉ liên hệ: 106/4 **Đường V, Phường C, Thành phố Cần Thơ**. Điện thoại: 02923.846.849 – 02923.847.957; Fax: 02923.846.501

Ông **Đào Quang T** ủy quyền lại cho bà **Đinh Thị Phương M** – Phó Giám đốc **Chi nhánh C2** và ông **Huỳnh Anh T1** – Trưởng Phòng Khách hàng (Theo Quyết định ủy quyền số 436/QĐ-NHNo.CT-TH ngày 02 tháng 7 năm 2026 – BL 145). **Có mặt**

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Quốc M1**, sinh ngày 07/10/1979. **Vắng mặt**

CCCD số 092079000183 cấp ngày 13/8/2021.

Địa chỉ: **D, khu V, Phường A, quận N, thành phố Cần Thơ**. (Nay là 42Y, khu vực **H, Phường T, thành phố Cần Thơ**).

2. Bà **Huỳnh Thị Kim Q**, sinh ngày 09/10/1978. **Vắng mặt**

CCCD số 092178003841 cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: **Số H, khu vực A, phường P, thành phố Cần Thơ. (Nay là Số H, khu vực K, phường H, thành phố Cần Thơ).**

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Huỳnh Văn C**, sinh ngày 15/9/1951. **Có mặt**

CCCD số 092051000535 cấp ngày 09/8/2021.

2. Bà **Phan Thị C1**, sinh ngày 10/5/1952.

CCCD số 093152000046 cấp ngày 09/8/2021. Có đơn đề ngày 07/7/2026 xin giải quyết vắng mặt. (BL 85)

Cùng địa chỉ: **Số H, khu V, phường P, thành phố Cần Thơ. (Nay là Số H, khu vực K, phường H, thành phố Cần Thơ).**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2025 và trình bày tại các buổi hòa giải, đại diện nguyên đơn **Ngân hàng N** trình bày:

Ngân hàng N (viết tắt **A**), ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** đã ký **Hợp đồng tín dụng số 1808-LAV-2023.01199 ngày 24/10/2023**: Ngân hàng cho các bị đơn vay 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay: Mua đất, cải tạo nâng cấp nhà. Thực hiện Hợp đồng tín dụng này, **A** đã giải ngân cho Khách hàng 01 lần với tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng) theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 25/10/2023. Thời hạn hay 120 tháng từ ngày 24/10/2023 đến ngày 24/10/2033, lãi suất cho vay là 10.5%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, ông **Huỳnh Văn C** và vợ là bà **Phan Thị C1** (cha mẹ ruột của bà **Huỳnh Thị Kim Q**) đã thế chấp tài sản cho **Ngân hàng N** để bảo lãnh nợ cho ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0919.0110.2 ngày 24/10/2023 được công chứng tại **Văn phòng C3** ngày 24/10/2023. Cụ thể, tài sản thế chấp là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành số CS19297 (DK 467554) do **Sở T2, TP .** cấp ngày 02/3/2023 cho ông **Huỳnh Văn C**; đất tọa lạc tại **Khu V A, Phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Nay là Khu vực K, Phường H, thành phố Cần Thơ).**

Do ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều lần nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** phải thanh toán cho **Ngân hàng N** (viết tắt là **A**) khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 24/7/2026 là 3.103.577.397 đồng (Ba tỷ, một trăm lẻ ba triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng) trong đó số tiền nợ gốc: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng); số tiền nợ lãi: 603.577.397 đồng (Sáu trăm lẻ ba triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng). Tổng số này chưa kể lãi phát sinh thêm từ ngày 25/7/2026 cho đến ngày khoản vay được thanh toán toàn bộ.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ ngay sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực thì đề nghị Tòa án cho **A Chi nhánh C2** được phát mãi tài

sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0919.0110.2 ngày 24/10/2023 do ông **Huỳnh Văn C** và bà **Phan Thị C1** làm chủ sở hữu bảo lãnh cho khoản vay.

Trong trường hợp số tiền phát mãi tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn phát sinh thì đề nghị Tòa án cho phép **A Chi nhánh C2** được tiếp tục phát mãi các tài sản khác của ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào ngày 20/01/2026 và 24/7/2026, nhưng các bị đơn vắng mặt mà không có lý do (BL 111, 149). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Người liên quan ông **Huỳnh Văn C** và vợ là bà **Phan Thị C1**: là cha và mẹ của bà **Huỳnh Thị Kim Q**, thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về các hợp đồng đã ký kết, số nợ cũng như tài sản thế chấp. Nhưng do cả hai bị đơn hiện đã bỏ nhà đi đâu không liên hệ được nên mới vi phạm hợp đồng, nếu các bị đơn không thanh toán nợ thì cả hai cũng đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng. (BL 85-86)

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phía bị đơn phải trả nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 615.616.438 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 14.139.041 đồng (Mười bốn triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) tính đến ngày 28/8/2026 và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu không yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** vắng mặt không rõ lý do; Người liên quan bà **Phan Thị C1** có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (BL 85-86).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm (trừ vi phạm thời hạn giải quyết vụ án).

- **Về việc giải quyết vụ án**: Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 615.616.438 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 14.139.041 đồng (Mười bốn triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) tính

đến ngày 28/8/2026 và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu không yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án xác định yêu cầu của nguyên đơn là có đủ cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn, người liên quan và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay tiền giữa các đương sự được thỏa thuận và giao kết bằng Hợp đồng tín dụng số 1808-LAV-2023.01199 ngày 24/10/2023, mục đích vay tiền là để Mua đất, cải tạo nâng cấp nhà. Trong đó bên vay có nghĩa vụ trả cho bên cho vay vốn gốc và lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do bên vay không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng được ngành luật dân sự điều chỉnh (do bên vay không có mục đích kinh doanh) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các bị đơn vẫn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Hợp đồng tín dụng số 1808-LAV-2023.01199 ngày 24/10/2023 kèm theo Phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 25/10/2023 (BL 26-30) do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số nợ này là hoàn toàn có cơ sở theo qui định tại Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng và được pháp luật bảo vệ.

[3] Đại diện nguyên đơn xác định bị đơn chưa thanh toán phần gốc nên số tiền gốc vẫn là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng). Bị đơn đã được nhận tiền vay nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo Hợp đồng, cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Theo xác nhận của Công an phường T ngày 21/01/2026 (BL 73-75) thì ông Trần Quốc M1 có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng ông M1 đã bán nhà bỏ địa phương đi; không thông báo với địa phương cũng như bên cho vay biết. Còn bà Huỳnh Thị Kim Q mặc dù đăng ký thường trú tại địa chỉ cùng với cha mẹ nhưng thực tế đã đi theo chồng là ông Trần Quốc M1 không còn sinh sống tại nơi đăng ký. Mặc dù được gia đình thông báo nhưng cả hai vẫn tiếp tục thay đổi địa chỉ mà không liên hệ giải quyết vụ kiện, cố tình lẩn tránh, thái độ xem thường pháp luật (BL 78-79). Coi như bị đơn đã tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và mặc nhiên chấp nhận toàn bộ lời trình bày của phía nguyên đơn. Nên số nợ gốc mà các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn **2.500.000.000 đồng** (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng) là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Căn cứ vào nội dung của Hợp đồng tín dụng số 1808-LAV-2023.01199 ngày 24/10/2023 thì đây là Hợp đồng tín dụng thời hạn là 120 tháng từ ngày 24/10/2023 đến ngày 24/10/2033; lãi suất trong hạn theo thỏa thuận hai bên là 10,5%/năm; lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn. Do đó, yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng. Bởi lẽ theo qui định của pháp luật và cả thỏa thuận trong Hợp đồng nếu bên vay không trả lãi đúng hạn thì số dư nợ gốc sẽ bị chuyển thành nợ quá hạn và phải chịu lãi suất theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng. Và căn cứ vào Bản tự khai và B tính lãi vay của ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** đến ngày 28/8/2026, nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả lãi suất theo Hợp đồng đã thỏa thuận. Cụ thể, tổng tiền lãi là **629.755.479 đồng** (Sáu trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 615.616.438 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 14.139.041 đồng (Mười bốn triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) tính đến ngày 28/8/2026 là có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng) + lãi 629.755.479 đồng (Sáu trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng) = **3.129.755.479 đồng** (Ba tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng) là hoàn toàn có cơ sở theo qui định tại Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng và được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[7] Đối với tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên, ông **Huỳnh Văn C** và bà **Phan Thị C1** đã đem tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để thế chấp cho Ngân hàng. Việc thế chấp giữa ông **Huỳnh Văn C** và bà **Phan Thị C1** với Ngân hàng (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0919.0110.2 ngày 24/10/2023 được công chứng tại **Văn phòng C3** ngày 24/10/2023) đã đăng ký thế chấp tại Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai quận C** (cũ), thành phố Cần Thơ vào ngày 24/10/2023 (BL 24-25). Ông **Huỳnh Văn C** và bà **Phan Thị C1** cũng đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp để thanh toán nợ gốc và các khoản lãi phát sinh (BL 85-86). Nên tài sản thế chấp phải được phát mãi để thanh toán nợ cho Ngân hàng nếu ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** không trả được nợ cho Ngân hàng theo qui định tại khoản 2 Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng. Cụ thể, tài sản thế chấp là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành số CS19297 (DK 467554) do **Sở T2, TP .** cấp ngày 02/3/2023 cho ông **Huỳnh Văn C** đứng tên; đất tọa lạc tại Khu V A, Phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Nay là Khu vực K, Phường H, thành phố Cần Thơ).

[8] Về chi phí thẩm định: theo yêu cầu của đại diện nguyên đơn, ngày 26/5/2026 Tòa án đã thành lập đoàn thẩm định để xác định lại hiện trạng thực tế của phần đất và nhà trên đất là tài sản mà ông **Huỳnh Văn C** và bà **Phan Thị C1**

đã thế chấp cho nguyên đơn và nguyên đơn yêu cầu được phát mãi trong giai đoạn thi hành án. Chi phí thẩm định là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), bị đơn chịu do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn đã tạm ứng theo phiếu thu ngày 02/6/2026 (BL 114); Bảng chi ngày 01/7/2026 (BL 115) nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền này trong giai đoạn thi hành án.

[9] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải liên đới chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện là 72.000.000 đồng + 2% (3.129.755.479 đồng – 2.000.000.000 đồng) = **94.595.000 đồng** (Chín mươi tư triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 180, **227, 228**, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

- Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N**. Buộc bị đơn ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Ngân hàng N** tổng số tiền là **3.129.755.479 đồng** (Ba tỷ, một trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 615.616.438 đồng (Sáu trăm mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 14.139.041 đồng (Mười bốn triệu, một trăm ba mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi một đồng) tính đến ngày 28/8/2026 khi án có hiệu lực **và lãi phát sinh từ ngày 29/8/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 1808-LAV-2023.01199 ngày 24/10/2023 cho đến khi trả dứt nợ.**

Nếu ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** không trả nợ thì **Ngân hàng N** được phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành số CS19297 (DK 467554) do **Sở T2, TP.** cấp ngày 02/3/2023 cho ông **Huỳnh Văn C** đứng tên; đất tọa lạc tại **Khu V A, Phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.** (Nay là Khu vực **K, Phường H, thành phố Cần Thơ**).

2/ Về chi phí thẩm định: Bị đơn ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** liên đới chịu chi phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Do nguyên đơn **Ngân hàng N** đã tạm ứng số tiền này nên bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho **Ngân hàng N** 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) khi án có hiệu lực.

3/ Về án phí:

- Nguyên đơn **Ngân hàng N** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 44.213.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, hai trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai số 0012534 ngày 17/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn Ông **Trần Quốc M1** và bà **Huỳnh Thị Kim Q** phải liên đới **94.595.000 đồng** (Chín mươi tư triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV3-Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – **BA Thái Mỹ Nhung**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

